

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Huy
2. Bà Đặng Thị Mỹ Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457A/2020/TLST–HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Văn C, sinh năm 1974, cư trú tại: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh TG (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1972, cư trú tại: Ấp A, xã L, huyện G, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Văn C trình bày: Anh và bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999, đăng ký kết hôn ngày 06/11/2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 110, tại Ủy ban nhân dân xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Cuộc sống chung của vợ chồng anh hạnh phúc được khoảng 12 năm, rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không đồng quan điểm sống, tính cách nên thường hay cãi nhau. Anh và chị Th sống ly thân từ năm 2011 đến nay và trong thời gian sống xa nhau không sắp xếp hàn gắn được. Anh thấy cuộc hôn nhân của anh và chị Th không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Th. Về con chung: anh và chị Th có 02 người con chung là Trương Quốc T, sinh ngày 20/11/1999 và Trương Thị Hồng A, sinh ngày 13/10/2006, hiện đang sống với chị Th. Anh giao con chung là Trương Thị Hồng A cho chị Th trực tiếp nuôi, anh cấp

dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Còn con chung Trương Quốc T đã trưởng thành, anh không ý kiến, yêu cầu gì. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Th đã được Tòa án cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét nguyên đơn anh Trương Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị Hồng Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh TG vào năm 2006 đúng với quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh C khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Th do trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải vụ án nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh C và chị Th tìm biện pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị Th vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh C. Còn anh C kiên quyết ly hôn với chị Th. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung hiện không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh C đối với chị Th.

[4] Con chung: Anh C và chị Th có 02 người con chung là Trương Quốc T, sinh ngày 20/11/1999 và Trương Thị Hồng A, sinh ngày 13/10/2006. Xét thấy, con chung Trương Quốc T đã thành niên, anh C và chị Th không ý kiến, yêu cầu gì nên không xét. Đối với con chung Trương Thị Hồng A, hiện đang sống với chị Th, được chị Th chăm sóc và có cuộc sống ổn định; anh C giao cháu A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị Th không có ý kiến phản đối; đồng thời, cháu A có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không*

thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”, Hội đồng xét xử giao con chung Trương Thị Hồng A cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 24 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên...”* và tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con.”*. Do con chung Trương Thị Hồng A giao cho chị Th trực tiếp nuôi nên anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh C trình bày, anh cấp dưỡng nuôi con chung Trương Thị Hồng A hàng tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), còn chị Th không có ý kiến khác về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng. Xét thấy, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con nêu trên của anh C là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6] Tài sản chung, nợ chung: Anh C trình bày anh và chị Th không có tài sản chung, nợ chung; còn chị Th cũng không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh C phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn anh Trương Văn C đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Th.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trương Văn C và chị Nguyễn Thị Hồng Th.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng Th trực tiếp nuôi con chung là Trương Thị Hồng A, sinh ngày 13/10/2006. Anh Trương Văn C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 29/4/2021 đến khi con chung Trương Thị Hồng A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002817 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, anh C còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 110/2006);
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Minh Hiệp

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Tân Tập;
- Lưu: VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Minh Hiệp